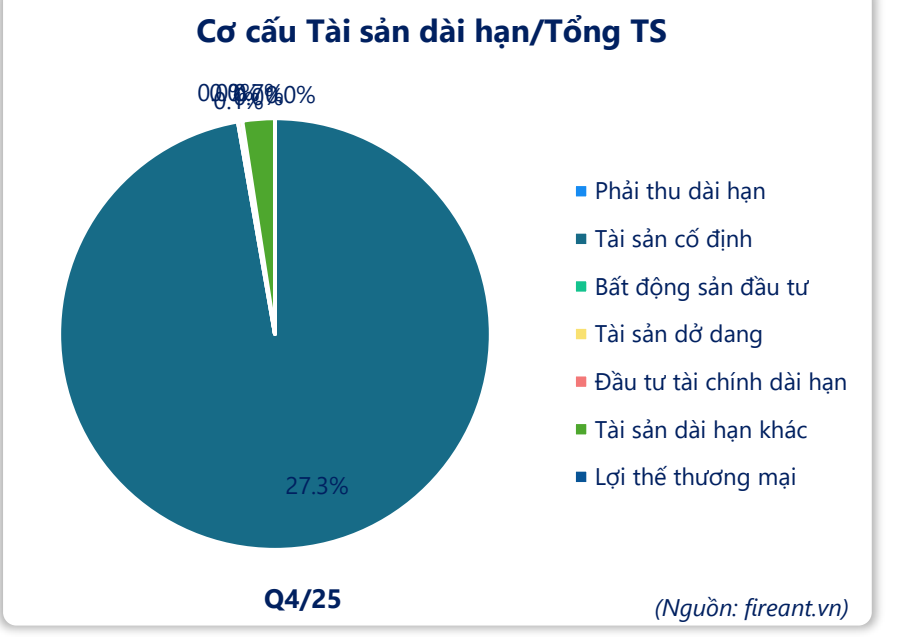
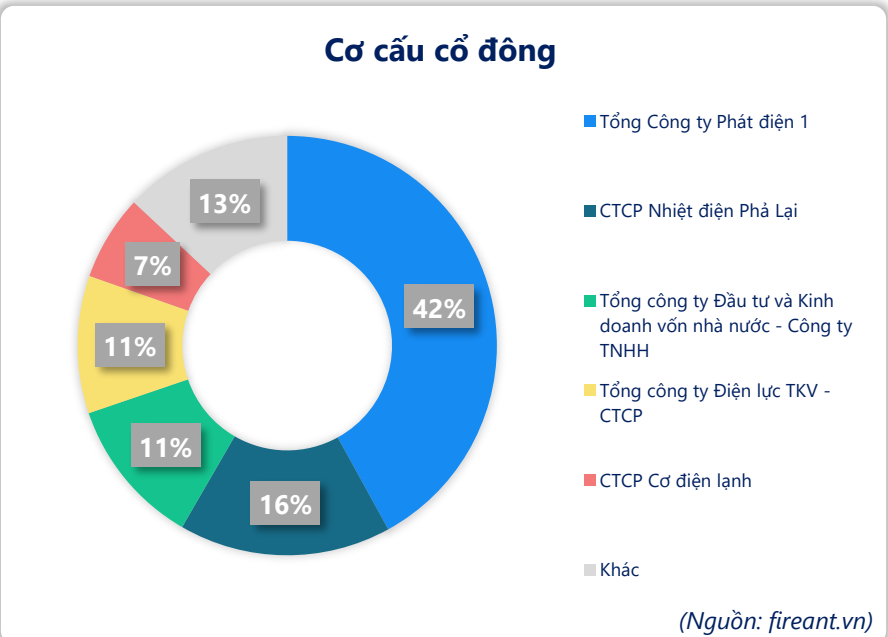
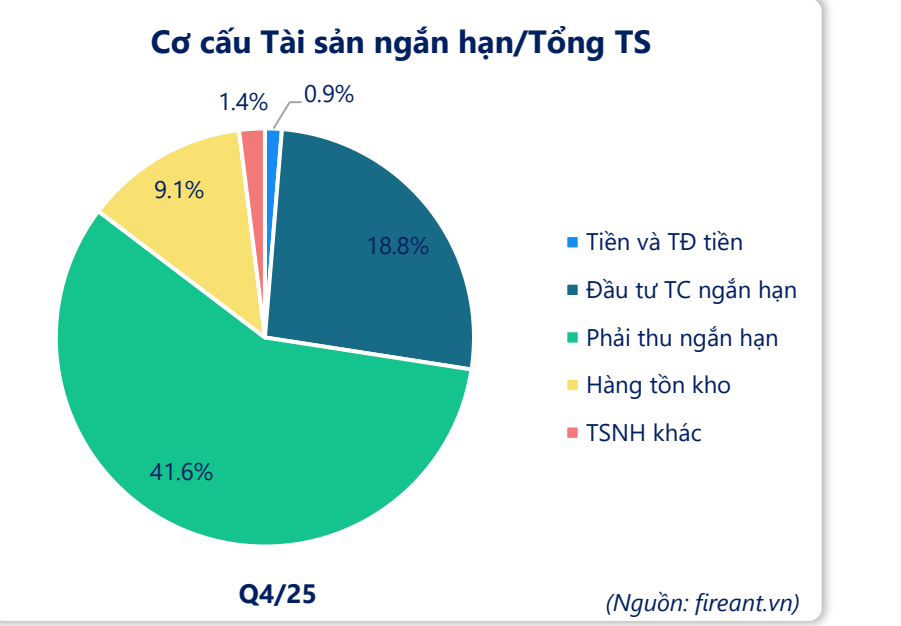
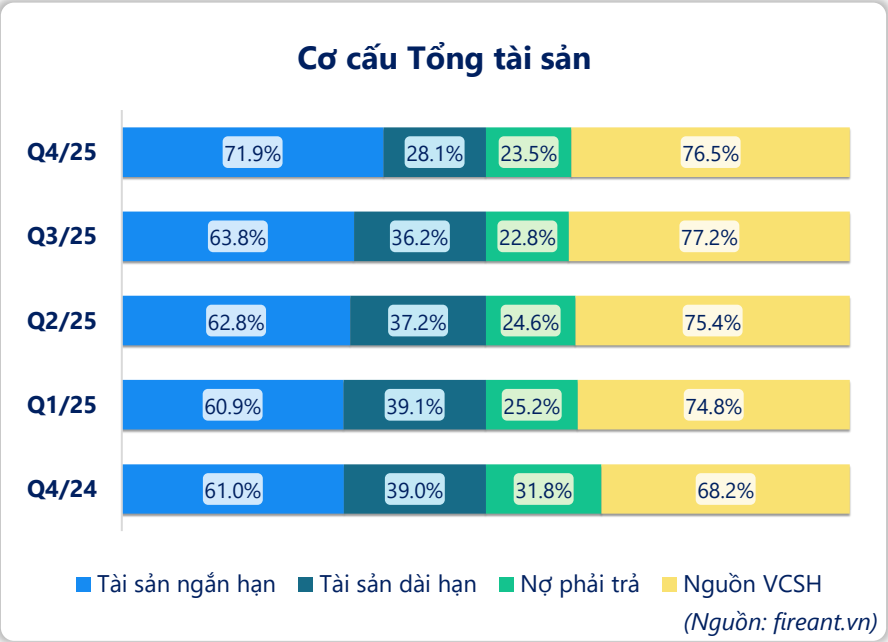
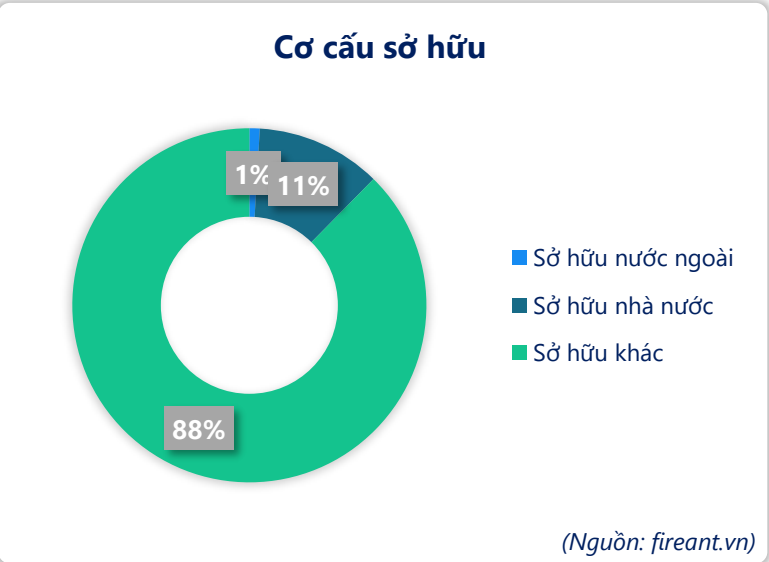
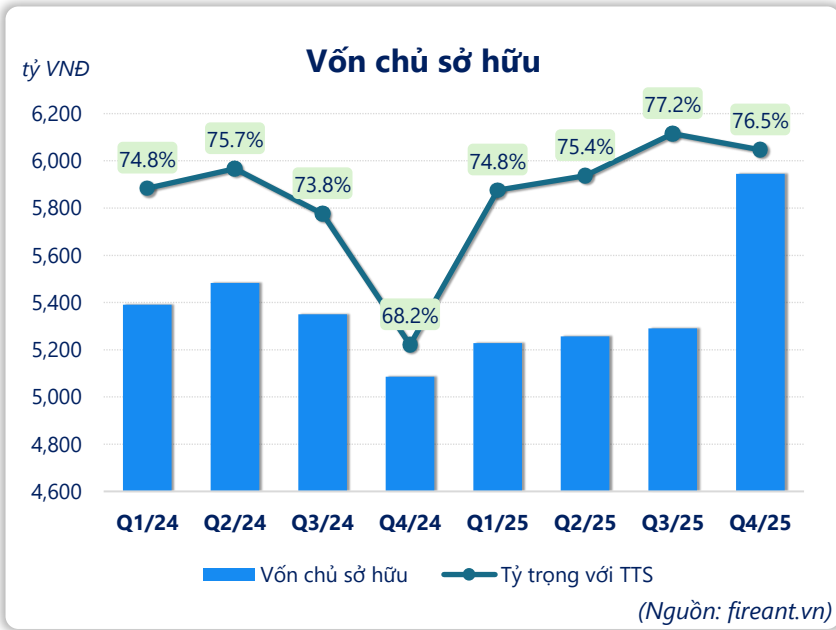
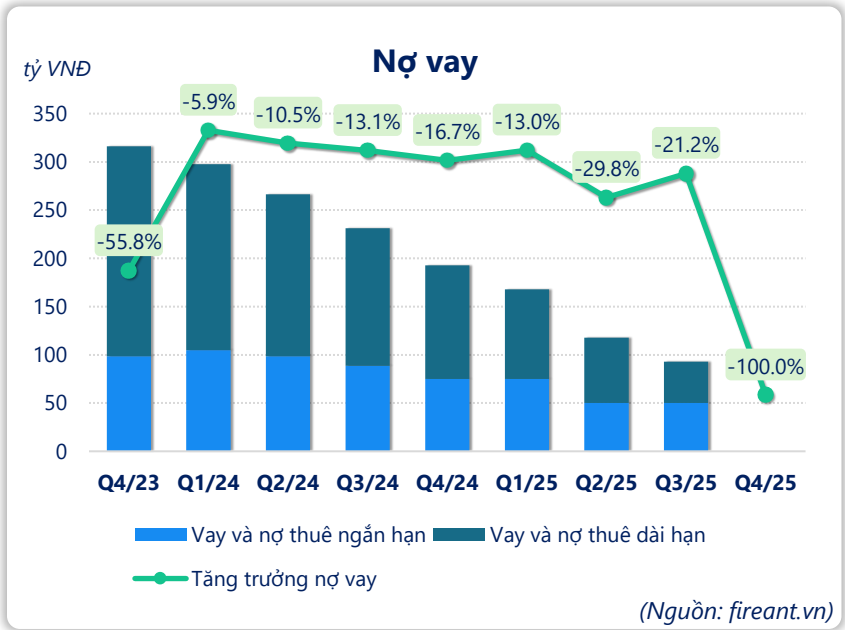
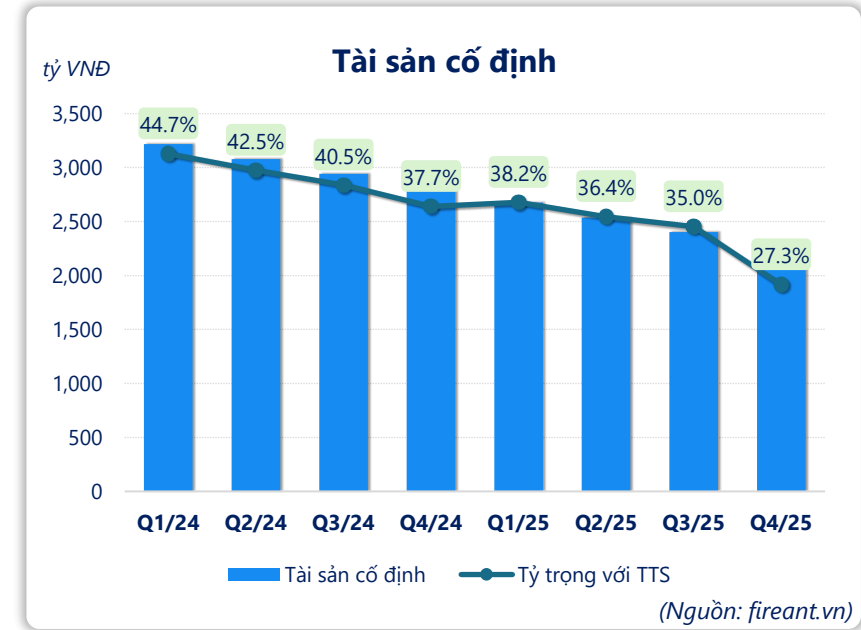
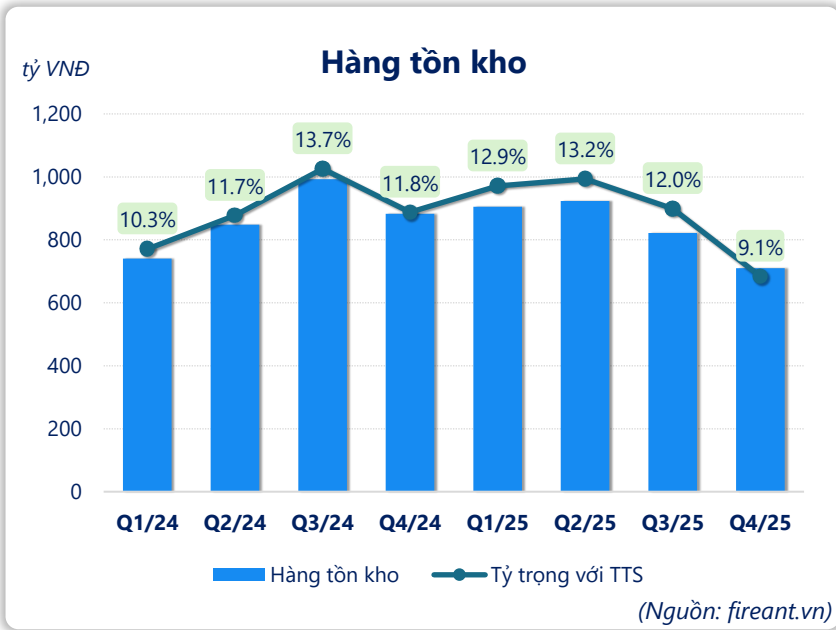
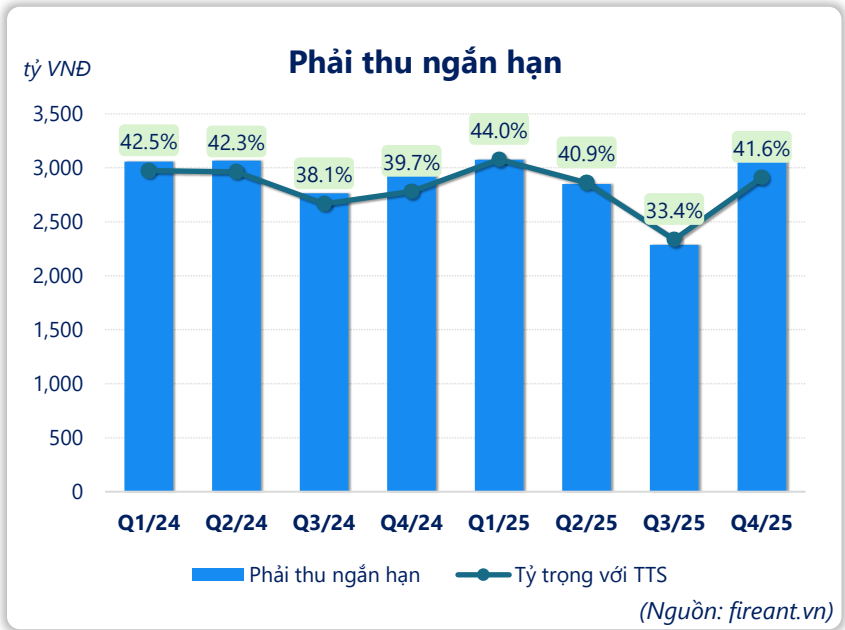
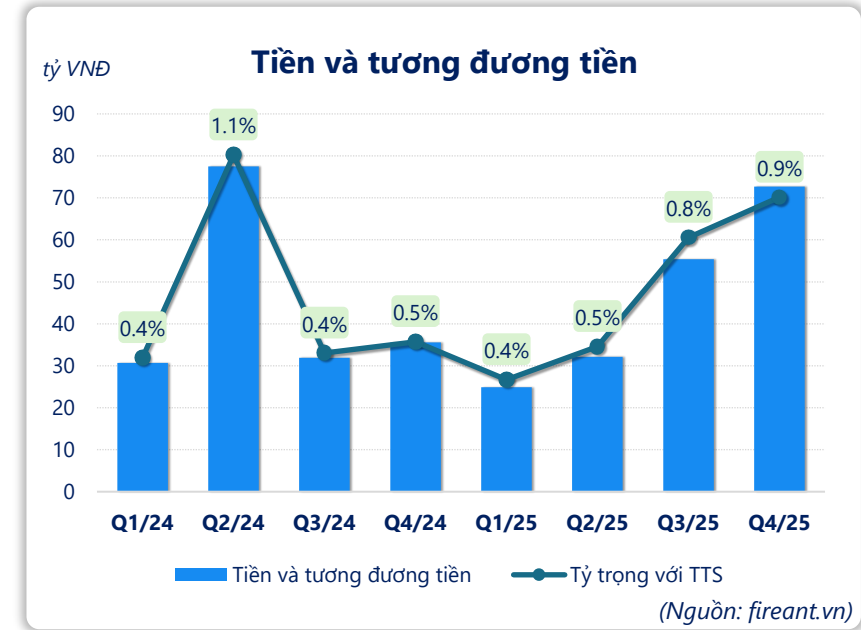
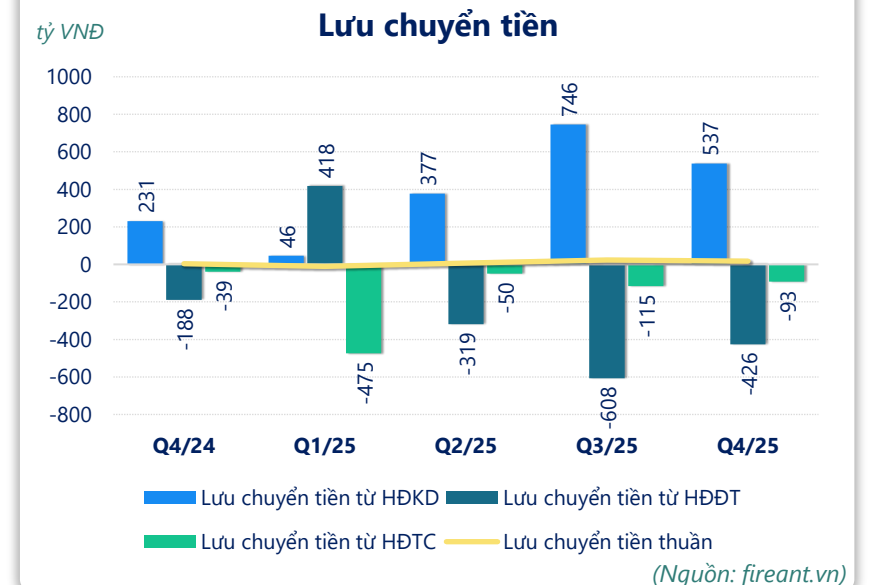
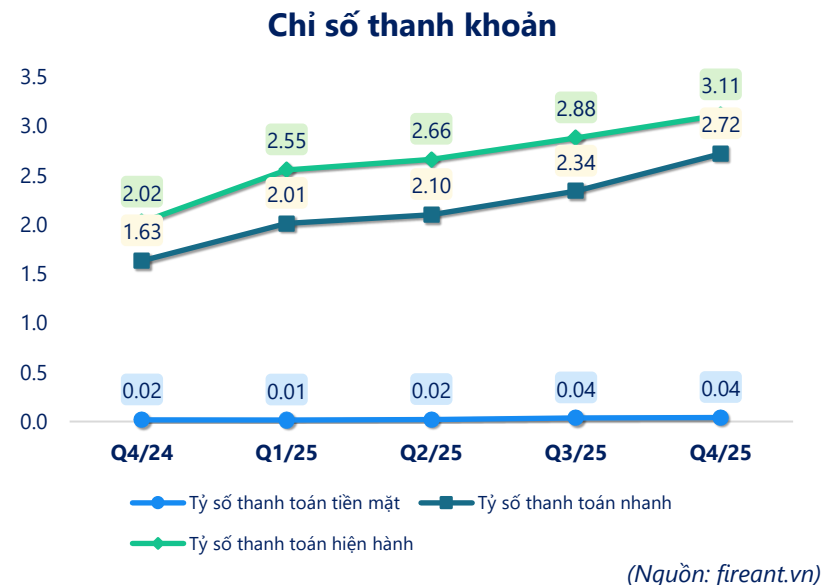
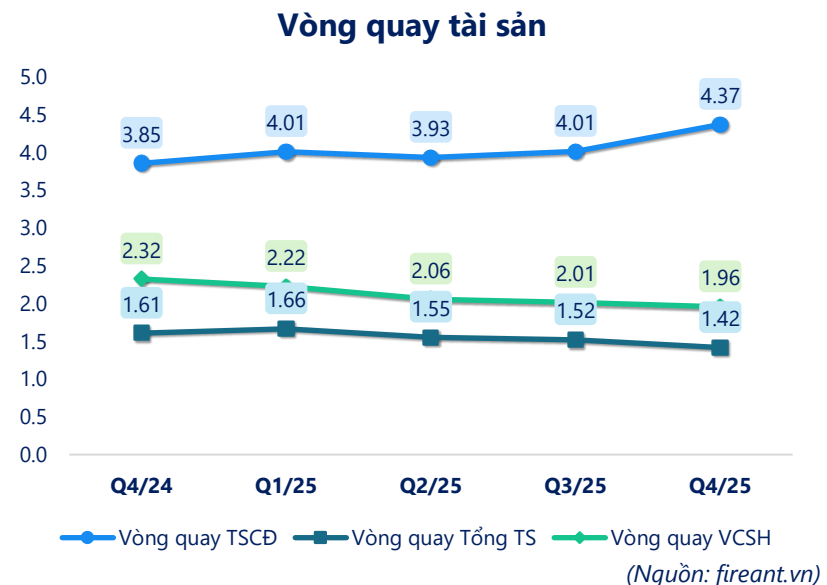
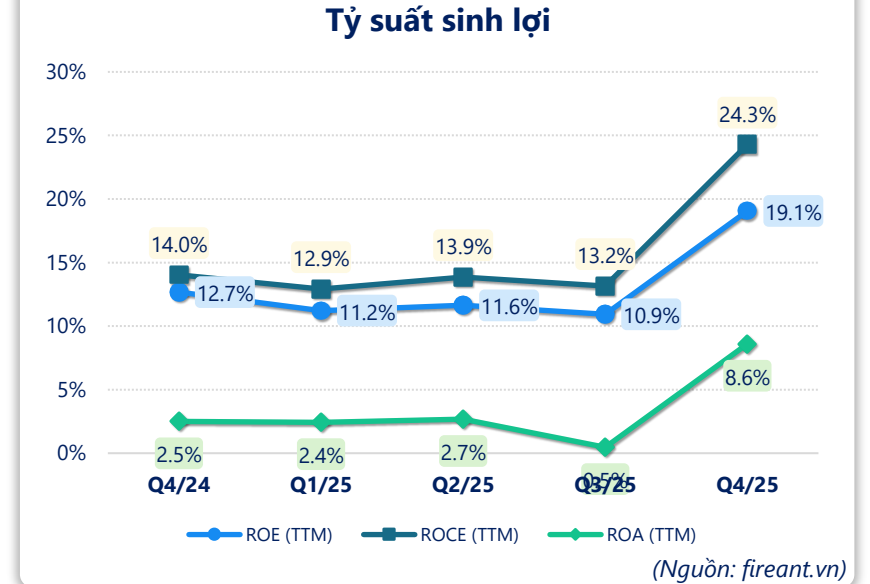
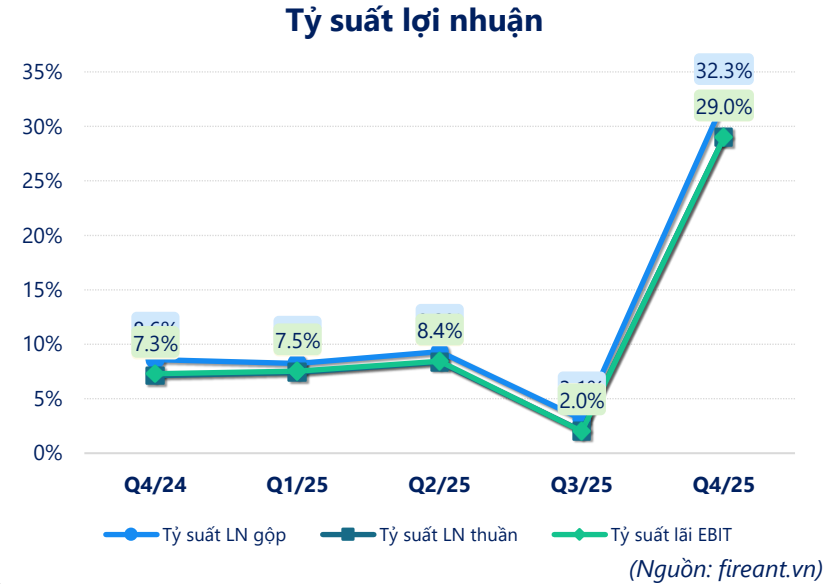
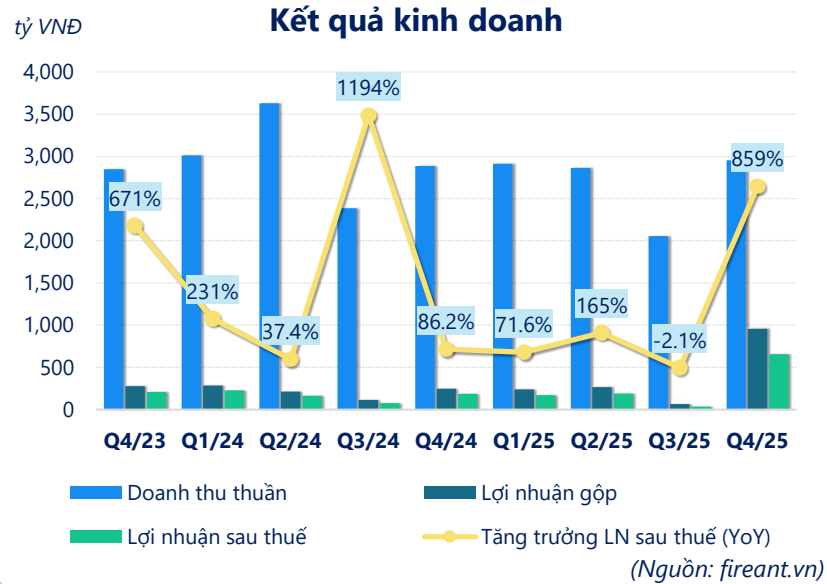


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,776
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,488
SL cổ phiếu LH		450,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		148,205
% sở hữu nước ngoài		0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		5,625
P/E		5.4
EPS		2,336

	YTD	1T	3T	6T
QTP	-0.7%	5.4%	3.0%	3.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	7,775	7,423	4.7%
Tài sản ngắn hạn	5,589	4,550	22.8%
Tiền và tương đương tiền	72.7	35.5	105%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,462	522	180%
Phải thu ngắn hạn	3,234	2,962	9.2%
Hàng tồn kho	709	882	-19.6%
Tài sản ngắn hạn khác	111	149	-25.8%
Tài sản dài hạn	2,187	2,873	-23.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2,126	2,811	-24.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.03	5.52	27.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	53.1	56.4	-5.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,830	2,368	-22.7%
Nợ ngắn hạn	1,795	2,245	-20.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	75.0	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,213	1,435	-15.5%
Nợ dài hạn	35.1	123	-71.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	118	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,945	5,055	17.6%
Vốn chủ sở hữu	5,945	5,055	17.6%
Vốn điều lệ	4,500	4,500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	2,884	2,912	2,864	2,056	2,953
Giá vốn hàng bán	2,636	2,673	2,597	1,992	1,998
Lợi nhuận gộp	248	240	267	64.2	955
Doanh thu HĐTC	5.42	3.51	2.11	7.99	15.5
Chi phí TC	6.48	4.06	4.77	2.58	70.0
Chi phí lãi vay	4.28	3.55	3.26	0	1.14
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	41.3	23.3	25.4	27.6	44.2
LN thuần từ HĐKD	206	216	239	42.0	856
Lợi nhuận khác	0.40	0.01	-0.76	-0.71	-0.88
LN trước thuế	206	216	238	41.3	855
Lợi nhuận sau thuế	185	173	191	33.0	655
LNST của CĐ cty mẹ	185	173	191	33.0	655

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	231	45.7	377	746	537
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-188	418	-319	-608	-426
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-38.9	-475	-50.2	-115	-92.8
Tiền đầu kỳ	31.9	35.5	24.9	32.2	55.4
Lưu chuyển tiền thuần	3.61	-10.7	7.28	23.2	17.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	35.5	24.9	32.2	55.4	72.7

(Nguồn: fireant.vn)